QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG X   VĨNH AN HUYỆN SƠN ĐỘNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG KÝ HIỆU

- + ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
- + ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN
- + ĐẤT CÔNG CỘNG
- + ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
- + ĐẤT GIÁO DỤC, TRƯỜNG HỌC
- + ĐẤT DÂN CƯ
- + ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
- + MẶT NƯỚC, THỦY SẢN
- + ĐẤT CÂY XANH,THỂ DỤC THỂ THAO
- + ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- + ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
- + ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH
- + ĐẤT LÚA
- + ĐẤT CÂY LÂU NĂM
- + ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
- + ĐẤT HOA MÀU
- + ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- + ĐẤT NGHĨA TRANG
- + ĐƯỜNG QUỐC LỘ QL31
- + ĐƯỜNG LIÊN X
- + ĐƯỜNG HUYỆN ĐƯỜNG BT
- + ĐƯỜNG LIÊN THÔN
- ĐƯỜNG QH MỞ RỘNG
- ĐƯỜNG THÔN QH MỞ MỚI
- + ĐƯỜNG ĐIỆN
- + RANH GIỚI
- + UBND X   VĨNH AN
- + TRẠM Y TẾ
- + BƯU ĐIỆN
- + DI TÍCH ĐÌNH, CHÙA
- + TÔN GIÁO
- + NHÀ VĂN HÓA
- + SÂN THỂ THAO
- + TRƯỜNG THCS
- + TRƯỜNG TIỂU HỌC
- + TRƯỜNG MẦN NON
- + TRẠM BIẾN ÁP
- + TRẠM BƠM
- + CHỢ DÂN SINH

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

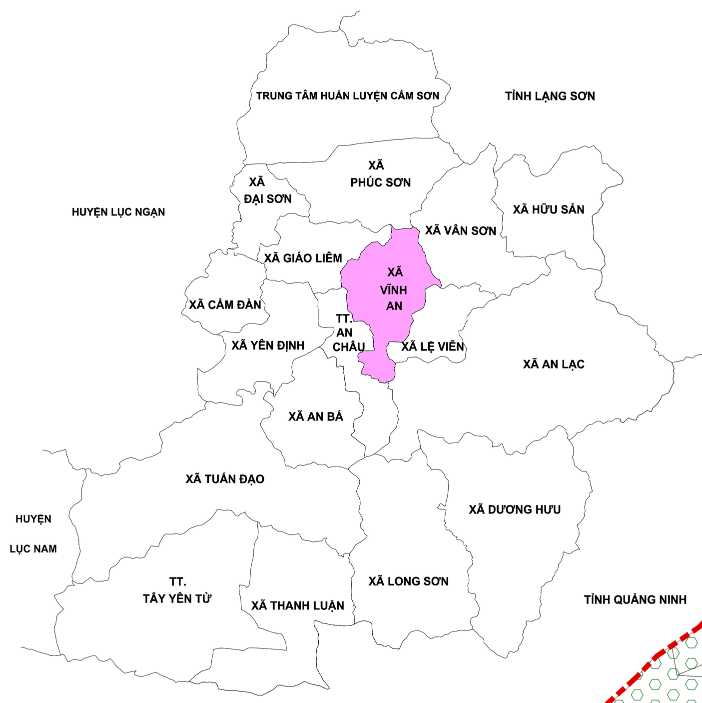

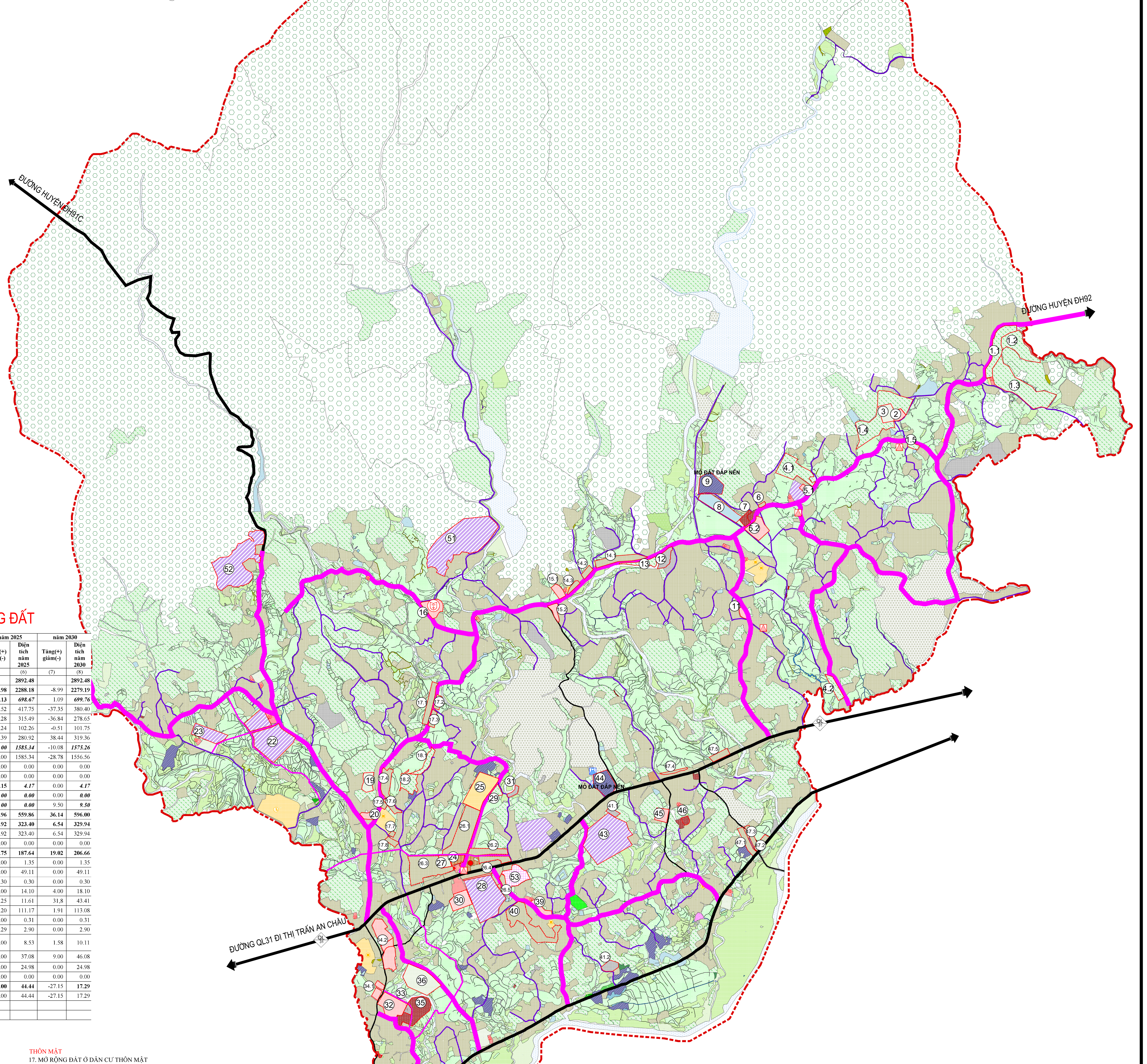

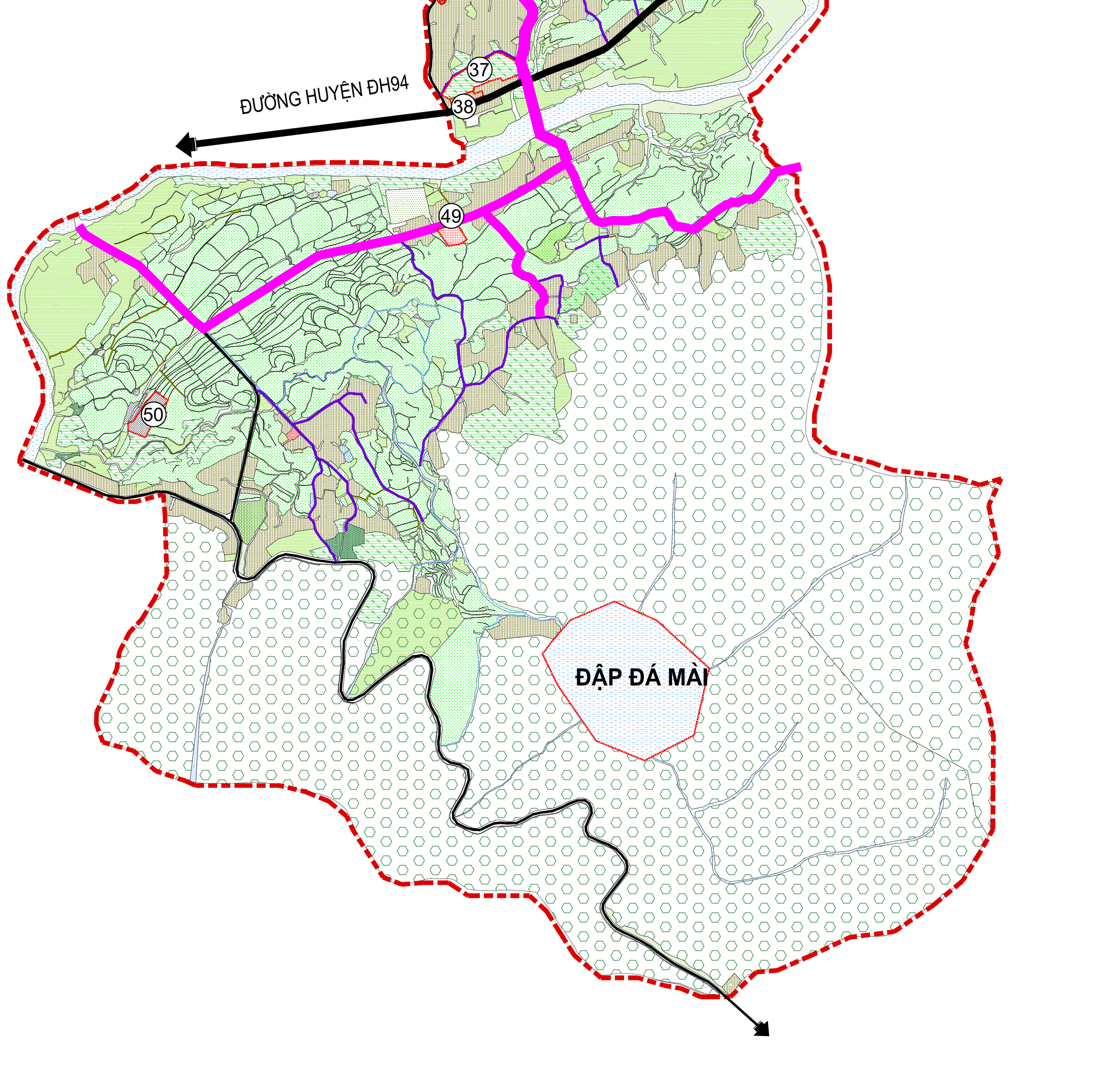

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2020	Tỷ lệ %	năm 2025 Tăng(+) giảm(-)	năm 2025 Diện tích năm 2025	năm 2030 Tăng(+) giảm(-)	năm 2030 Diện tích năm 2030
(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)
		2892.48			**2892.48**		**2892.48**
Nhóm đất nông nghiệp	**NNP**	**2311.16**	**79.90**	**-22.98**	**2288.18**	-8.99	**2279.19**
Đất sản xuất nông nghiệp	***SXN***	***722.80***	**24.99**	**-24.13**	***698.67***	1.09	***699.76***
Đất trồng cây hàng năm	CHN	442.27	15.29	-24.52	417.75	-37.35	380.40
Đất trồng lúa	LUA	339.77	11.75	-24.28	315.49	-36.84	278.65
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	102.50	3.54	-0.24	102.26	-0.51	101.75
Đất trồng cây lâu năm	CLN	280.53	9.70	0.39	280.92	38.44	319.36
Đất lâm nghiệp	***LNP***	***1585.34***	**54.81**	***0.00***	***1585.34***	-10.08	***1575.26***
Đất rừng sản xuất	RSX	1585.34	**54.81**	0.00	1585.34	-28.78	1556.56
Đất rừng phòng hộ	RPH	0.00	**0.00**	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất rừng đặc dụng	RDD	0.00	**0.00**	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất nuôi trồng thuỷ sản	***NTS***	***3.02***	**0.10**	**1.15**	***4.17***	0.00	***4.17***
Đất làm muối	***LMU***	***0.00***	**0.00**	***0.00***	***0.00***	0.00	***0.00***
Đất nông nghiệp khác	***NKH***	***0.00***	**0.00**	***0.00***	***0.00***	9.50	***9.50***
Nhóm đất phi nông nghiệp	**PNN**	**536.88**	**18.56**	**47.96**	**559.86**	**36.14**	**596.00**
Đất ở	**OCT**	**317.48**	**10.98**	**5.92**	**323.40**	**6.54**	**329.94**
Đất ở tại nông thôn	ONT	317.48	10.98	5.92	323.40	6.54	329.94
Đất ở tại đô thị	ODT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Đất chuyên dùng	**CDG**	**147.89**	**5.11**	**39.75**	**187.64**	**19.02**	**206.66**
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1.35	0.05	0.00	1.35	0.00	1.35
Đất quốc phòng	CQP	49.11	**1.70**	0.00	49.11	0.00	49.11
Đất an ninh	CAN	0.00	0.00	0.30	0.30	0.00	0.30
Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	14.10	0.49	0.00	14.10	4.00	18.10
Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	11.36	0.39	0.25	11.61	31,8	43.41
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	71.97	2.49	39.20	111.17	1.91	113.08
Đất cơ sở tôn giáo	TON	0.31	0.01	0.00	0.31	0.00	0.31
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.61	0.02	2.29	2.90	0.00	2.90
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8.53	0.29	0.00	8.53	1.58	10.11
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	37.08	1.28	0.00	37.08	9.00	46.08
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24.98	**0.86**	0.00	24.98	0.00	24.98
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.00	**0.00**	0.00	0.00	0.00	0.00
Nhóm đất chưa sử dụng	**CSD**	**44.44**	**1.54**	**0.00**	**44.44**	-27.15	**17.29**
Đất bằng chưa sử dụng	BCS	44.44	1.54	0.00	44.44	-27.15	17.29
Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS						
Núi đá không có rừng cây	NCS						

THÔN LUÔNG DOAN

1. CÁC ĐIỂM QUY HOẠCH TRỒNG CÂY LÂU NĂM VÀ CÂY DƯỢC LIỆU
1.1 QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU QUY MÔ 1,4HA
1.2 QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU 1,6HA
1.3 QUY HOẠCH 3,5HA ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU
1.4 QUY HOẠCH 3,2HA ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
1.6 QUY HOẠCH 0,17HA DIỆN TÍCH TRỒNG CÂY LÂU NĂM
2. MỞ RỘNG CẢI TẠO NHÀ VĂN HÓA THÔN LUÔNG DOAN QUY MÔ 0,33HA
3. ĐẤT TDTT, SÂN BÓNG THÔN LUÔNG DOAN QUY MÔ 0,65HA

THÔN ĐẶNG

4. ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
4.1 QUY HOẠCH 1,67HA ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM TẠI THÔN ĐẶNG
4.2 QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,48HA
5. ĐẤT NHÀ VĂN HÓA THÔN ĐẶNG
5.1 CHUYỂN ĐỔI ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN ĐẶNG DIỆN TÍCH 0,17HA
5.2 QUY HOẠCH ĐẤT VUI CHƠI VĂN HÓA THÔN 0,9HA
6. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN ĐẶNG 0,07HA
7. MỞ RỘNG KHUÔN VIÊN ĐÌNH ĐẶNG 0,25HA
8. QUY HOẠCH ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN QUY MÔ 1,35HA
9. CHUYỂN ĐỔI ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM, QUY HOẠCH MỎ ĐẤT ĐẮP NỀN 1HA

THÔN AO BỒNG

11. CẢI TẠO NHÀ VĂN HÓA THÔN AO BỒNG 0,2HA
12. MỞ RỘNG ĐẤT NGHĨA TRANG THÔN 0,56HA

THÔN ĐỒNG MẬN

13. QUY HOẠCH ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,45HA
16. MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ
14.1 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ QUY MÔ 0,9HA
14.2 QUY HOẠCH 0,2HA ĐẤT Ở DÂN CƯ
14.3 QUY HOẠCH 0,18HA DẤT Ở DÂN CƯ
15. ĐẤT VĂN HÓA
15.1 QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN ĐỒNG MẬNDIỆN TÍCH 0,33HA
15.2 MỞ RỘNG ĐẤT VĂN HÓA THÔN XÓM QUY MÔ 0,28HA

THÔN PHÚ HƯNG

16. QUY HOẠCH ĐẤT VUI CHƠI VĂN HÓA KẾT HỢP SÂN TDTT THÔN PHÚ HƯNG 0,8HA
51. QUY HOẠC ĐIỂM SẢN XUẤT LÂM SẢN TẬP TRUNG QUY MÔ 6HA.

THÔN MẬT

17. MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MẬT
17.1 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MẬT QUY MÔ 0,7HA
17.2 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ QUY MÔ 0,23HA
17.3 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,28HA
17.4 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,75HA
17.5 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,01HA
17.6 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,3HA
17.7 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,07HA
17.8 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ 0,2HA
18. ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
18.1 QUY HOẠCH 0,46HA DIỆN TÍCH TRỒNG CÂY LÂU NĂM
18.2 QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,85HA
19. QUY HOẠCH ĐẤT TDTT, SÂN BÓNG THÔN MẬT QUY MÔ 0,55HA
20. CẢI TẠO CHỈNH TRANG NHÀ VĂN HÓA THÔN MẬT DIỆN TÍCH 0,24HA

THÔN HIỆP REO

22. QUY HOẠCH TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN SƠN ĐỘNG QUY MÔ 4HA
23. QUY HOẠCH KHU SẢN XUẤT RAU SẠCH CÔNG NGHỆ CAO QUY MÔ 1,2HA
52. QUY HOẠCH ĐIỂM SẢN XUẤT CHẾ BIẾN LÂM SẢN TẬP TRUNG QUY MÔ 4,5HA.

THÔN CHÀO

24. XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ VĨNH AN DIỆN TÍCH 0,3HA
25. QUY HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG THCS VĨNH AN DIỆN TÍCH 2HA
26. MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ
26.1 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 2,5HA
26.2 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 0,7HA
26.3 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 2,3HA
26.4 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 0,6HA
26.5 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 0,2HA
27. QUY HOẠCH KHU CÂY XANH CẢNH QUAN TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 0,35HA
28. QUY HOẠCH ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG QUY MÔ 3,25HA
29. QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,25HA
30. QUY HOẠCH MỞ RỘNG BẾN XE SƠN ĐỘNG QUY MÔ 0,9HA
31. QUY HOẠCH NGHĨA TRANG THÔN CHÀO DIỆN TÍCH 0,17HA
32. QUY HOẠCH ĐẤT CỘNG CỘNG DIỆN TÍCH 1,3HA
33. CẢI TẠO CHỈNH TRANG ĐÀI TƯỞNG NIỆM XÃ 0,09HA
34. NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN CHƠI THÔN CHÀO
34.1 QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN CHÀO DIỆN TÍCH 0,34HA
34.2 QUY HOẠCH ĐẤT VUI CHƠI VĂN HÓA THÔN CHÀO QUY MÔ 1,8HA
53. QUY HOẠCH ĐIỂM TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUY MÔ 1,1HA

THÔN LÀNG CHẼ

35. MỞ RỘNG ĐẤT TÍN NGƯỠNG ĐỀN VUA BÀ DIỆN TÍCH 1,7HA
36. XÂY DỰNG BỂ BƠI DỊCH VỤ VỚI DIỆN TÍCH 2HA
37. QUY HOẠCH KHU ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,86HA
38. MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI THÔN DIỆN TÍCH 0,13HA

THÔN MẶN

39. QUY HOẠCH MỞ RỘNG NHÀ VĂN HÓA THÔN MẶN QUY MÔ 0,4HA
40. QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN XÓM QUY MÔ 2,2HA
41. NGHĨA TRANG
41.1 QUY HOẠCH NGHĨA TRANG DIỆN TÍCH 0,2HA
41.2 QUY HOẠCH NGHĨA TRANG VỚI DIỆN TÍCH 0,4HA
43. QUY HOẠCH ĐIỂM SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP QUY MÔ 4,6HA
44. QUY HOẠCH ĐIỂM MỎ ĐẤT ĐẮP NỀN 1,16HA

THÔN MAI HIÊN

45. QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,47HA
46. MỞ RỘNG KHUÔN VIÊN ĐÌNH MAI HIÊN 0,15HA
47. MỞ RỘNG ĐẤT Ở DÂN CƯ
47.1 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,5HA
47.2 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,28HA
47.3 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,3HA
47.4 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,17HA
47.5 QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MAI HIÊN DIỆN TÍCH 0,35HA

THÔN CHAO

49. QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN CHAO 0,2HA
50. QUY HOẠCH NGHĨA TRANG THÔN CHAO DIỆN TÍCH 0,4HA

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: **UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG** — KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 980/QĐ-UBND NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: **PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN SƠN ĐỘNG** — KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 56/BC-KT&HT NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021	
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: **UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH AN HUYỆN SƠN ĐỘNG** — KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:147/TTR-UBND NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2021	
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: **QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ VĨNH AN HUYỆN SƠN ĐỘNG, GIAI ĐOẠN 2021-2030, TỈ LỆ: 1/10.000** — **ĐỊA ĐIỂM : XÃ VĨNH AN, HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**	
TÊN BẢN VẼ: **BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**	
BẢN VẼ: QH-04 — GHÉP: 1A0 — TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM 2021
THIẾT KẾ:	**KTS. CÙ VĂN DOANH**
CHỦ TRÌ:	**KTS. TRẦN VĂN HÙNG**
CHỦ NHIỆM:	**KTS. TRẦN VĂN HÙNG**
P.TRƯỞNG PHÒNG:	**KTS. TRẦN VĂN HÙNG**
Q.L KỸ THUẬT:	**KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
P. GIÁM ĐỐC: **KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG**	

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989